

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-PT

Ngày 27-7-2017

V/v đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Đỗ Văn Hiên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Số 770 đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Vũ Thị Đ.

- Ông Nguyễn Xuân P.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Số 760 đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bà Đ có mặt, ông P vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Xuân P.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Vũ Thị Đ quen biết nhiều năm, nên hàng năm, đến vụ thu hoạch, bà đều ký gửi cà phê cho họ. Ngày 5-1-2015, bà ký gửi cho Doanh nghiệp tư nhân P 3.000 kg cà phê nhân với giá 39.400 đồng/kg, thành tiền là 118.200.000 đồng. Ngày 14-4-2015, bà Đ, ông P trả cho bà

38.200.000 đồng, tương ứng với 1.000 kg cà phê. Bà Đ, ông P hẹn 2 tháng sau sẽ trả 2.000 kg cà phê còn lại cho bà.

Đến hạn, bà đòi nhiều lần, nhưng bà Đ, ông P không trả nợ. Khi bà ký gửi cà phê, ông P là người cân hàng và nhập kho, còn bà Đ ghi “Phiếu nhập hàng gửi kho”, nên đây là nợ chung, ông P và bà Đ phải cùng trả nợ.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà Đ trả 80.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 26-10-2016 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Vũ Thị Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân P là vợ chồng. Năm 2013, vợ chồng bà thành lập Doanh nghiệp tư nhân P, chuyên mua bán nông, lâm sản và động vật sống. Bà và ông P cùng quản lý, điều hành doanh nghiệp, ông P cân và cho hàng vào kho, bà viết phiếu nhập hàng gửi kho. Lợi nhuận đều được phục vụ cho gia đình và hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nhận ký gửi cà phê của nhiều người, trong đó có bà Nguyễn Thị C. Yêu cầu của bà C là đúng sự thật. Ngày 5-1-2015, doanh nghiệp nhận ký gửi của bà C 3.000 kg cà phê nhân với giá 39.400 đồng/kg, thành tiền là 118.200.000 đồng. Ngày 14-4-2015, vợ chồng bà trả cho bà C 38.200.000 đồng, tương ứng với 1.000 kg cà phê.

Nay, bà và ông P cùng có nghĩa vụ phải trả 2.000 kg cà phê nhân còn nợ cho bà C.

Chữ ký tại “Phiếu nhập hàng gửi kho” số 09 đề ngày 5-1-2015 (bản gốc) mà bà C giao nộp cho Tòa án, là do bà và ông P cùng ký tên. Chữ ký và chữ viết “Nguyễn Xuân P” ở phía sau “Phiếu nhập hàng gửi kho” này là do ông P ký và viết ra, còn chữ “ghi chú” và chữ “chồng”, là do bà viết theo yêu cầu của bà C khi ký gửi cà phê.

Tại bản tự khai đề ngày 13-12-2016 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Xuân P trình bày:

Năm 2007, ông và bà Đ kết hôn. Trước đó, ông đã có vợ và con, có nghề nghiệp, thu nhập riêng, nên về tài chính giữa ông và bà Đ độc lập với nhau, tài sản của ai thì người đó quản lý. Trước khi về ở với ông, bà Đ đã buôn bán nông sản.

Năm 2013, bà Đ và ông thành lập Doanh nghiệp tư nhân P. Bà Đ thường nhận ký gửi cà phê của các hộ dân có nhu cầu. Ông biết việc này và có nhận hàng, nhập hàng vào kho, trông coi hàng. Bà Đ quản lý doanh nghiệp, mọi thu chi, lợi nhuận, lãi hay lỗ đều do bà Đ, ông không được biết. Lợi nhuận của doanh nghiệp có đưa vào phục vụ sinh hoạt của gia đình và duy trì hoạt động của doanh nghiệp.

Ông có biết khoản nợ 2.000 kg cà phê nhân đối với bà C. Ngày 5-1-2015, Doanh nghiệp tư nhân P nhận ký gửi 3.000 kg cà phê nhân của bà C với giá 39.400 đồng/kg, thành tiền là 118.200.000 đồng. Ngày 14-4-2015, doanh nghiệp đã trả cho bà C 38.200.000 đồng, tương ứng 1.000 kg cà phê, còn nợ 2.000 kg cà phê nhân.

Tuy nhiên, ông không có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho bà C. Ông là người trực tiếp cân hàng và nhập kho, còn bà Đ ghi Phiếu nhập hàng gửi kho, ông có ký vào “Phiếu nhập hàng gửi kho” là vì lúc đó bà C yêu cầu. Bà Đ là người quản lý doanh nghiệp, ông chỉ là người giúp việc, nên không biết việc kinh doanh

cụ thể như thế nào. Vì vậy, ông không chấp yêu cầu của bà C, số nợ 2.000 kg cà phê nhân là của bà Đ,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 4 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 554, 555, 556, 557, 558, 559 và 560 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Buộc bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số cà phê đã gửi giữ là 2.000 kg.

2. Về tiền công gửi giữ: Miễn xét.

3. Về án phí: Buộc bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.670.000 đồng (93.400.000 đồng x 5%).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-10-2015, bị đơn là ông Nguyễn Xuân P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông phải cùng với bà Vũ Thị Đ trả nợ cho nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS ngày 17-4-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm với nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày, cà phê tại thời điểm xét xử có giá từ 45.000.000 đồng/tấn đến 46.000.000 đồng/tấn, nhưng vì bị đơn làm ăn thua lỗ, nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 80.000.000 đồng. Bà Đ đồng ý yêu cầu này của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "...bà C yêu cầu trả cho bà 2.000 kg cà phê đã giữ, nếu ông P và bà Đ không có cà phê thì theo giá thị trường tính thành tiền để thanh toán", là nhận định không đầy đủ yêu cầu của đương sự.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 2.000 kg cà phê nhân, tương đương 80.000.000 đồng. Bà Đ đồng ý yêu cầu này của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả 2.000 kg cà phê nhân mà không buộc bị đơn trả bằng tiền, là không đúng yêu cầu của nguyên đơn. Mặc dù bị đơn là ông P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đây là sự thỏa thuận có lợi cho bị đơn, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận đó. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên rõ số tiền như nguyên đơn yêu cầu, nếu như sau này giá cà phê thay đổi, sẽ ảnh hưởng quyền lợi của các bên.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu 4.670.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, là gây thiệt hại cho họ 670.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc các bị đơn trả cho bà 80.000.000 đồng; bị đơn là bà Vũ Thị Đ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, bà C yêu cầu bị đơn trả 80.000.000 đồng, bà Đ đồng ý yêu cầu

này của nguyên đơn. Tuy vậy, do ông P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể công nhận thỏa thuận của bà C và bà Đ. Tại Quyết định kháng nghị, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm phải công nhận sự thỏa thuận trên, là không có sơ sở, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai rút nội dung này tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS ngày 17-4-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các nội dung còn lại tại quyết định kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút một phần kháng nghị đó và tiến hành xem xét các nội dung kháng nghị còn lại của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai:

Ngày 5-1-2015, bà C thỏa thuận gửi 3.000 kg cà phê nhân tại Doanh nghiệp tư nhân P theo giá 39.400 đồng/kg, thành tiền là 118.200.000 đồng. Ngày 14-4-2015, ông P, bà Đ trả cho bà C 1.000 kg cà phê nhân (*Phiếu nhập hàng gửi kho, bút lục 02*), còn nợ lại 2.000 kg cà phê nhân. Do đòi nợ nhiều lần không được, nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P và bà Đ phải trả 80.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân thì bà Đ là chủ Doanh nghiệp tư nhân P (*bút lục 23*). Tuy nhiên, ông P và bà Đ là vợ chồng. Tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, ông P thừa nhận rằng, khi bà C ký gửi 3.000 kg cà phê nhân thì bà Đ ghi “Phiếu nhập hàng gửi kho”, còn ông là người cân hàng, nhập kho và ký tên dưới mục “chồng” tại “Phiếu nhập hàng gửi kho”, lợi nhuận từ việc kinh doanh được sử dụng vào sinh hoạt gia đình và duy trì hoạt động của doanh nghiệp. Mặt khác, tại “Đơn khởi kiện bổ sung” về việc xin ly hôn mà ông P nộp cho Tòa án (*bút lục từ số 25 đến 27*), ông P cũng đã trình bày, ông và bà Đ đang còn nợ bà C 2.000 kg cà phê nhân. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C là chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cùng với bà Đ trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, bà C yêu cầu các bị đơn trả 80.000.000 đồng. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tuy giá cà phê nhân tại thị trường là 46.700 đồng/kg (*Biên bản xác minh, bút lục 71*), nhưng bà C chỉ yêu cầu các bị đơn trả 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C vẫn trình bày, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả 2.000 kg cà phê nhân, là không đúng yêu cầu của nguyên đơn, không phù hợp với nguyên tắc về quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị 2.000 kg cà phê nhân tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 93.400.000 đồng và buộc các bị

đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này, cũng là không đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai, sửa bản án sơ thẩm, buộc các bị đơn phải trả cho bà C 80.000.000 đồng và xác định lại khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm mà các bị đơn phải chịu là 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông P, nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 18 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Xuân P.

2. Chấp nhận kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS ngày 17-4-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 559, 561, 562 và 564 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Xuân P phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Xuân P phải chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai số 0005427 ngày 25-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001395 ngày 4-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Xuân P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng